TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 208/2024/DS-PT
Ngày: 22 -11-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tai sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Trung
Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Hùng
Ông Nguyễn Văn Thành

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Nhả, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Thạch Vũ, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2024 tại Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 223/2024/TLPT-DS ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2024/DS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:126/2024/QĐXXPT-DS ngày 23 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Văn B, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. *Người đại diện hợp pháp của ông B:* Ông Trầm Phú L, sinh năm 1992; Nơi cư trú: ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh (văn bản ủy quyền ngày 28/9/2023). (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Phan Văn T, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: khóm G, phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của ông T: Ông Võ Trung D, sinh năm 1973; Nơi cư trú: ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (văn bản ủy quyền ngày 20/10/2023) (có mặt).

- Người kháng cáo: Ông Phan Văn T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trầm Phú L là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Huỳnh Văn B trình bày: Do quen biết và tin tưởng nhau nên vào khoản từ tháng 6 đến tháng 7/2022 ông B có cho ông T vay nhiều lần với số tiền là 1.670.000.000đ, mục đích vay tiền ông T nói với ông B là để trang trải việc kinh doanh riêng của ông T, có thỏa thuận lãi suất 1,66%/tháng, ông T có cam kết trả đủ gốc và lãi cho ông B, do chỗ

bạn bè quen biết nên không có lập thành văn bản và không ghi thời hạn trả nhưng thực tế ông B có nói miệng với ông T là cho ông T vay 02 tháng. Tuy nhiên, đến hạn ông T không trả nợ cho ông B, mặc dù ông B đã nhiều lần đòi nợ ông T nhưng ông T không trả. Theo đơn khởi kiện, ông B khởi kiện yêu cầu ông T trả cho ông B số tiền nợ gốc là 1.670.000.000đ và lãi suất 1,66%/tháng, tính từ ngày 01/01/2023 đến 01/10/2023 (tạm tính đến thời điểm khởi kiện) là 09 tháng cụ thể như sau: 1.670.000.000đ x 09 tháng x 1,66%/tháng = 249.498.000đ. Như vậy, ông B yêu cầu ông T trả tổng số tiền là 1.919.498.000đ, đồng thời yêu cầu ông T chịu lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Trầm Phú L đại diện nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu về lãi suất, ông L yêu cầu ông T trả lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng (tương đương 10%/năm) tính từ ngày 01/01/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/6/2024). Đồng thời, ông L rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 125.000.000đ (do ông T đã chuyển trả cho ông B rồi).

Ông Võ Trung D là người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Ông Phan Văn T có vay tiền của ông Huỳnh Văn B số tiền 1.670.000.000đ theo 03 tờ cam kết cùng ngày 04/10/2023. Tuy nhiên, trong quá trình vay thì ông T có chuyển trả tiền gốc cho ông B là 401.000.000đ bằng 06 lần cụ thể như sau: lần thứ nhất 60.000.000đ, lần thứ hai là 15.000.000đ, lần thứ 3 là 50.000.000đ, lần thứ 4 là 205.000.000đ, lần thứ 5 là 48.000.000đ, lần thứ 6 là 23.000.000đ, hình thức trả là bằng chuyển khoản và tiền mặt. Nay, ông T chỉ còn nợ ông B tiền gốc là 1.269.000.000đ và chỉ đồng ý trả lãi từ ngày 19/9/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 22/6/2024 với mức lãi suất 0,83%/ tháng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2024/DS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh đã tuyên xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 6; Điều 92; Điều 93; khoản 3 Điều 94; Điều 146; Điều 147; Điều 271; Điều 244 và Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 357; Điều 429; Điều 463; khoản 1 Điều 466; khoản 2 Điều 468 và khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn B.

Buộc ông Phan Văn T phải có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Văn B tổng số tiền 1.771.975.950đ (trong đó tiền gốc là 1.545.000.000đ; lãi 226.975.950đ).

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện do đại diện nguyên đơn đã rút yêu cầu đối với số tiền 125.000.000đ.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên tiền án phí nghĩa vụ do chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/7/2024 ông Phan Văn T kháng cáo đồng ý trả tiền gốc bằng 1.269.000.000 đ và tiền lãi từ ngày 19/9/2023 với mức lãi suất 0,83%/ tháng.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo, các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ mới và không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh về vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm các đương sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Kháng cáo của ông Phan Văn T không có chứng cứ mới nên không có cơ sở để chấp nhận đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Phan Văn T còn trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông Phan Văn T cho rằng vay của ông B 1.670.000.000đ đã trả 401.000.000đ còn nợ lại 1.269.000.000đ nên chỉ đồng ý trả 1.269.000đ và tiền lãi.

Ông T khai sau khi vay ông có trả tiền cho ông B 6 lần bằng 401.000.000đ cụ thể như sau: lần thứ nhất 60.000.000đ, lần thứ hai là 15.000.000đ, lần thứ 3 là 50.000.000đ, lần thứ 4 là 205.000.000đ, lần thứ 5 là 48.000.000đ, lần thứ 6 là 23.000.000đ, hình thức trả là bằng chuyển khoản và tiền mặt.

Phía ông Huỳnh Văn B thừa nhận chỉ có nhận 125.000.000đ.

Bên ông T không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã trả cho ông B được 401.000.000đ. Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông T còn nợ lại số tiền vốn bằng 1.545.000.000đ là có căn cứ, kháng cáo của ông T cho rằng nợ tiền vốn 1.269.000.000đ là không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của ông T yêu cầu tính lãi từ ngày 19/9/2023 với mức lãi suất 0,83%/ tháng.

Theo đơn khởi kiện của ông B cho rằng thời hạn cho vay là 6 tháng, đến ngày 31/12/2022 hết hạn trả nợ nhưng ông T không trả nên ông B khởi kiện và yêu cầu tính lãi từ ngày 01/01/2023.

Phía ông T khai không có thỏa thuận thời hạn trả và ngày ông B đòi nợ ông T là ngày 19/9/2023, do đó ông T chỉ đồng ý trả lãi cho ông B 0,83%/tháng tính từ ngày 19/9/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Theo các tờ cam kết đề ngày 04/10/2023, ông T vay tiền của ông B để cho bà Vương Kim O vay lại thời hạn vay từ 7-15 ngày, ông T cam kết chịu trách nhiệm trả số tiền vay của ông B nhưng không ghi thời hạn vay và trả nợ. Nay hai

trên tranh chấp với nhau về mức lãi suất và thời hạn trả nên xác định việc vay nợ giữa ông B và ông T là vay không kỳ hạn và có lãi.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015 " *Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý và được trả lãi đến thời điểm nhận lại tài sản...*". Tại điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm " *Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn thì thời gian chậm trả nợ gốc bắt đầu kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày hết "thời gian hợp lý" đến thời điểm xét xử sơ thẩm ... quy định tại Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015 do Tòa án căn cứ vào từng trường hợp cụ thể để xem xét quyết định nhưng không quá 03 tháng kể từ ngày thông báo*".

Ông B khởi kiện cho rằng đã nhiều lần yêu cầu ông T trả tiền nhưng ông T không chịu trả nên ông B mới kiện yêu cầu tính lãi từ ngày 01/01/2023 là phù hợp.

Yêu cầu kháng cáo của ông T đồng ý trả tiền gốc bằng 1.269.000.000đ và tiền lãi từ ngày 19/9/2023 với mức lãi suất 0,83%/ tháng là không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Ý kiến của kiểm sát viên là phù hợp với các tình tiết của vụ án nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị tiếp tục có hiệu lực thi hành.

[5] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của ông Phan Văn T không được chấp nhận nên ông phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463; 466 và 468 Bộ luật Dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phan Văn T.

- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 41/2024/DS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Tuyên xử:

Buộc ông Phan Văn T phải có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Văn B tổng số tiền 1.771.975.950đ. Trong đó: tiền gốc là 1.545.000.000đ; lãi 226.975.950đ).

Về án phí phúc thẩm: Ông Phan Văn T phải chịu 300.000đ. Ông T đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000805 ngày 17/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh nên được cấn trừ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND thành phố Trà Vinh;
- Chi cục THADS thành phố Trà Vinh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: TDS, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thành Trung